

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/DS-ST

Ngày: 13-9-2022.

V/v Tranh chấp dân sự về chia
tài sản chung của hộ gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Minh Đoàn**.
2. Bà **Võ Thị Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/9 và 13/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2021/TLST-DS, ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp dân sự về chia tài sản chung của hộ gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2022/QĐXXST-DS ngày 25/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2022/QĐST-DS ngày 17/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Huỳnh Thị Bé B**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ M, ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện CL, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B là Luật sư Nguyễn H T – Văn phòng Luật sư H T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Trần Vũ H**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ M, ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện CL, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Hoài P, sinh ngày 23/3/1996;

Anh Hoài P ủy quyền cho bà **Huỳnh Thị Bé B**, sinh năm 1971; Cùng địa chỉ:

Tổ M, ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện CL, Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 26/7/2022).

Trần Thị Như Q, sinh ngày 12/3/2007;

Đại diện theo pháp luật của cháu Q là bà Huỳnh Thị Bé B, sinh năm 1971 (mẹ ruột); Cùng địa chỉ: Tổ M, ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện CL, Đồng Tháp

Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1969;

Người đại diện hợp pháp của bà H là ông Trần Vũ H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ M, ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ngày 29/3/2022).

(Bà B, ông H và Luật sư đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bé B trình bày: Trong quá trình chung sống, hộ gia đình bà gồm có Huỳnh Thị Bé B, Trần Vũ H, Trần Hoài P có tạo lập được diện tích 81m², thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 12 và căn nhà có trên đất, tọa lạc tại xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 07/07/2011, bà và ông H ly hôn theo Bản án số 29A/2011/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thửa đất 105 và căn nhà có trên đất do hộ gia đình bà mua vào năm 2006 với giá tổng cộng là 30.000.000đồng (trong đó nhà là 9.000.000đồng + đất 21.000.000đồng), đã trả được 4.000.000đồng hay 5.000.000đồng (bà không nhớ chính xác), phần tiền còn lại là do ông H trả. Đến năm 2009, bà không còn sinh sống trong căn nhà trên, bà chỉ tới lui thăm con. Nay bà yêu cầu chia tài sản của hộ gia đình là nhà và đất thuộc thửa 105, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thành 03 phần. Bà yêu cầu được nhận một phần, bà yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý trả giá trị lại cho ông H và anh P. Ngoài ra, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Vũ H trình bày: Năm 2007, ông và bà B có mua căn nhà và đất thuộc thửa 105, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc nhà và đất là do UBND xã Mỹ H bán cho hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo. Thời điểm mua nhà và đất chưa trả được khoản nào, đến năm 2009 bà B bỏ nhà đi. Đến ngày 07/07/2011, bà B và ông ly hôn theo Bản án số 29A/2011/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phần nhà và đất là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung của hộ gia đình

như bà B trình bày. Nay H không đồng ý theo yêu cầu của bà B. Ngoài ra, ông yêu cầu không trình bày hay gì thêm.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoài P ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Bé B trình bày:* Nguyên trước đây hộ ông Trần Vũ H gồm ông H, bà Huỳnh Thị Bé B, anh Trần Hoài P được Ủy ban nhân xã Mỹ H bán thửa 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 81,0m², loại đất ở nông thôn, đất toạ lạc tại xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Vũ H vào ngày 09/8/2017, hiện nhà và đất do ông H quản lý. Nay anh P yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình 3 phần, anh P yêu cầu được nhận 1 phần, yêu cầu nhận giá trị đất và nhà. Đồng ý giao nhà và đất cho bà Bé B, anh P đồng ý trả 1/3 số tiền mà ông H đã trả cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, anh P không yêu cầu trình bày gì thêm.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H ủy quyền cho ông H trình bày: Bà H là vợ hợp pháp của ông. Trong quá trình chung sống, bà H cùng với ông đã trả số tiền 29.454.800 đồng cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ H để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà H cũng có công sức đóng góp đối với thửa 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 81,0m², loại đất ở nông thôn, đất toạ lạc tại xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp chấp nhận yêu cầu của bà B và anh P, thì bà H yêu cầu được nhận 1 phần giá trị căn nhà và đất; trường hợp không chấp nhận yêu cầu của bà B và anh P thì bà H yêu cầu được quyền sử dụng với ông H đối với thửa đất 105, tờ bản đồ số 12 và sở hữu căn nhà có trên đất. Ngoài ra, bà H không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:
 - + Văn bản số 860/CNCPĐKĐĐ-CCTT ngày 23/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh (bản chính);
 - + Trích lục bản đồ địa chính số 4126/2021/TL.ĐC ngày 23/3/2021 (bản chính);
 - + Giấy khai sinh Trần Hoài P (bản sao);
 - + Giấy khai sinh Trần Thị Như Q (bản sao);
 - + Tờ giao kèo ngày 05/7/2011 tên Trần Vũ H (bản chính);
 - + Bản án số 29A/2011/HNGĐ-ST ngày 07/7/2011 (bản photo).
- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp:
 - + Văn bản ý kiến ngày 06/5/2021 + 05/01/2022 và 22/3/2022 (bản chính);

+ Phiếu thu ngày 13/6/2017 + 15/8/2016 và phiếu giao dịch ngày 03/02/2017 (bản chính);

+ Biên lai thu tiền ngày 14/6/2017 (photo);

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/8/2017 hộ Trần Vũ H (photo);

+ Văn bản ý kiến ngày 06/01/2022 của Trần Thị Như Q (bản chính);

+ Giấy chứng nhận kết hôn Trần Vũ H và Nguyễn Thị Mỹ H (photo);

+ Tờ tường trình ngày 28/3/2022 của Nguyễn Thị Mỹ H (bản chính);

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:

+ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc cùng ngày 13/5/2021 (bản chính);

+ Biên bản định giá ngày 28/6/2021 (bản chính);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu về việc chấp hành thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, việc chấp hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là bảo đảm đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau: Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Bé B và anh Trần Hoài P không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không được phía ông H thừa nhận. Còn đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ H thì tại phiên tòa bà B cũng thừa nhận bà H kết hôn với ông H vào năm 2013 và cùng nộp tiền để được cấp quyền sử dụng thửa đất và căn nhà đang tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà B và anh P; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Mỹ H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé B, yêu cầu độc lập của anh Trần Hoài P và bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc yêu cầu chia tài sản của hộ gia đình nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *“Tranh chấp dân sự về chia tài sản chung của hộ gia đình”* theo quy định tại Điều 102 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Việc tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, tài sản đang tranh chấp tọa lạc tại xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Trần Thị Như Q có đơn không yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và cũng không yêu cầu tham gia tố tụng. Xét thấy, việc cháu Q có đơn không yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và cũng không yêu cầu tham gia tố tụng là tự nguyện phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Đồng thời, tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất xác định trong vụ án này chỉ tranh chấp diện tích đất thuộc thửa 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 81,0m², loại đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Vũ H vào ngày 09/8/2017, hiện nhà và đất do ông Trần Vũ H quản lý, không tranh chấp diện tích đất nào khác. Các đương sự cũng xác định trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến ai khác nữa. Đồng thời, các đương sự cũng thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc cùng ngày 13/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh và kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé B và yêu cầu độc lập của anh Trần Hoài P về việc yêu cầu chia tài sản của hộ gia đình là căn nhà và đất thuộc thửa 105, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp thành 03 phần; bà B yêu cầu được nhận một phần, yêu cầu được nhận nhà và đất, đồng ý trả giá trị lại cho ông H; anh P yêu cầu được nhận 01 phần, không yêu cầu nhận đất, yêu cầu được nhận giá trị là không có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Bé B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh P (anh P con của bà B và ông H) thừa nhận vào năm 2005, 2006 bà B và ông H (lúc đó đang là vợ chồng) có mua trả dần diện tích đất 81m², thuộc thửa 105, tờ bản đồ số 12 và căn nhà có trên đất, tọa lạc tại xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 07/07/2011, thì bà B và ông H ly hôn bằng bản án số 29A/2011/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã có hiệu lực pháp luật. Tại thời điểm mua thửa đất 105, tờ bản đồ số 12 và căn nhà có trên đất với giá tổng cộng là 30.000.000đồng (trong đó nhà là 9.000.000đồng + đất 21.000.000đồng), đã trả được 4.000.000đồng hay 5.000.000đồng (bà không nhớ chính xác), nhưng bà B và anh P không có chứng cứ gì để chứng minh cùng với ông H đã trả được số tiền 4.000.000đồng hay 5.000.000đồng này và cũng không được phía ông H thừa nhận. Đến năm 2009, bà B không còn sinh sống trong căn nhà này

mà bà B chỉ tới lui thăm con. Đồng thời, bà B xác định từ lúc mua cho đến lúc ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2017 thì bà B và anh P không có công sức đóng góp gì vào căn nhà và thửa đất này. Việc ông H được cấp quyền sử dụng đối với thửa đất 105, tờ bản đồ số 12 và căn nhà có trên đất là do ông H và bà Nguyễn Thị Mỹ H (ông H và bà H kết hôn vào năm 2013) đã trả (nộp) xong số tiền mua trước đây cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện CL. Lý do bà B khởi kiện và anh P yêu cầu độc lập là do thửa đất 105, tờ bản đồ số 12 và căn nhà có trên đất cấp cho hộ ông Trần Vũ H, ngoài ra không còn lý do nào khác. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà B và anh P.

Đối với Tờ giao kèo ngày 05/7/2011, tại phiên tòa bà B thừa nhận bà B chưa thực hiện được những điều kiện trong Tờ giao kèo với ông H nên Tờ giao kèo này không có giá trị pháp lý.

Còn đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mỹ H là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Trong quá trình chung sống, bà H đã cùng với ông H trả được số tiền 29.454.800 đồng cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ H để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời tại phiên tòa bà B cũng thừa nhận việc này. Do đó việc yêu cầu của bà H là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B là không có căn cứ để chấp nhận (như đã phân tích ở trên).

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh là có căn cứ để chấp nhận (như đã phân tích ở trên).

Tại phiên tòa, các đương sự đều xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì các đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng 2.492.000 đồng, bà Huỳnh Thị Bé B và anh Trần Hoài P phải liên đới chịu (đã nộp và chi xong).

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Bé B phải chịu 3.585.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.875.000 đồng theo bên lai số 0012504 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, bà B còn phải nộp tiếp số tiền 1.710.000 đồng.

- Anh Trần Hoài P phải chịu 3.585.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 675.000 đồng theo bên lai số

0009386 ngày 17/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, anh P còn phải nộp tiếp số tiền 2.910.000 đồng.

- Ông Trần Vũ H và bà Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007401 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 102, 155, 212 của Bộ luật dân sự; Các Điều 26, 39, 147, 157, 165, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé B và yêu cầu độc lập của anh Trần Hoài P về việc yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12 và căn nhà có trên đất, tọa lạc tại xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc yêu cầu được quyền sử dụng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12 và sở hữu căn nhà có trên đất, tọa lạc tại xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Trần Vũ H và bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền sử dụng đối với diện tích 81m² thuộc thửa 105, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn và căn nhà có trên đất, từ mốc M1 – M2 – M3 – M4 – M5 – M6 – M7 – M8 – M1, tọa lạc tại xã Mỹ H, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp *(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc cùng ngày 13/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).*

- Các đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai, đăng ký phần đất mình được sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng 2.492.000 đồng, bà Huỳnh Thị Bé B và anh Trần Hoài P phải liên đới chịu (đã nộp và chi xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Huỳnh Thị Bé B phải chịu 3.585.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.875.000 đồng theo biên lai số 0012504 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, bà B còn phải nộp tiếp số tiền 1.710.000 đồng.

+ Anh Trần Hoài P phải chịu 3.585.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 675.000 đồng theo biên lai số 0009386 ngày 17/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, anh P còn phải nộp tiếp số tiền 2.910.000 đồng.

+ Ông Trần Vũ H và bà Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007401 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trịnh Hữu Chính